

Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là khách hàng mua cám của gia đình ông B. Năm 2015 gia đình ông L mua cám của gia đình ông B nhiều lần và đã trả tiền cho ông nhiều đợt, trả tiền đến đâu thì gạch sổ đến đó, hình thức giao dịch lấy hàng và trả tiền mặt, ai lấy hàng thì người đó ký vào sổ ghi bán cám của ông B. Đến tại thời điểm ngày 23/9/2018 thì gia đình ông L còn nợ của ông B số tiền 19.900.000 đồng, nhưng sau ngày đó ông B đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông L vẫn không trả thêm cho ông B được khoản tiền nào.

Tại sổ chót nợ tiền mua cám đề ngày 23/9/2018 thì phần chữ “N” mục người chót sổ là do bà Phùng Thị N ký và viết, còn phần chữ viết còn lại trong sổ là do ông B viết, sau khi các bên thỏa thuận chót sổ thống nhất số tiền còn nợ là 19.900.000 đồng. Lúc viết chót sổ nợ tiền mua cám đề ngày 23/9/2018 chỉ có ông B và bà N, ngoài ra không có ai khác.

Ông B xác định đây là khoản tiền kinh doanh đứng tên cá nhân ông B, không liên quan gì đến vợ con ông B, đề nghị không đưa vợ con ông B vào tham gia tố tụng. Gia đình ông L, bà N mua cám về để phát triển kinh tế gia đình ông B xác định đó là khoản nợ chung của vợ chồng ông L, bà N.

Ông B tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Vũ Đình L và bà Phùng Thị N phải thanh toán trả cho ông số tiền nợ gốc là 19.900.000 đồng và tiền lãi là 1,2 %/tháng kể từ ngày 24/9/2018 đến ngày 31/10/2021 là 8.835.000 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tiền đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đinh Văn B vắng mặt ủy quyền cho ông Giáp Quang K có mặt trình bày: Ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông B về số tiền nợ gốc buộc ông L, bà N phải trả cho ông B là 19.900.000 đồng, về phần yêu cầu trả lãi ông thay đổi yêu cầu ông L, bà N phải trả cho ông B tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày 24/9/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 22/3/2022 là 6.937.140 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Vũ Đình L trình bày:*

Trong quá trình làm ăn kinh tế, chăn nuôi gia đình ông có lấy cám lợn của ông Đinh Văn B. Thời điểm năm 2018-2019, ông có lấy cám của ông B để nuôi lợn, cho đến nay gia đình ông còn nợ ông B số tiền 19.900.000 đồng tiền cám lợn, khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng ông. Ông có nguyện vọng nói chuyện với ông B, để trả dần cho ông B cho đến khi hết nợ, còn về phần tiền lãi ông không đồng ý trả vì hai bên khi mua cám đã thỏa thuận với nhau chỉ tính tiền nợ gốc, không có tiền lãi phát sinh. Ông đề nghị để ông và ông B tự thỏa thuận với nhau về việc trả nợ tiền cám.

Tại phiên tòa ông Vũ Đình L vắng mặt.

* Đối với đồng bị đơn bà Phùng Thị N trong vụ án: Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn B.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa nguyên đơn ông B vắng mặt có đại diện theo ủy quyền ông K có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đồng bị đơn ông Vũ Đình L, bà Phùng Thị N chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đình Văn B: Buộc ông Vũ Đình L, bà Phùng Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Đình Văn số tiền gốc là 19.900.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông B và đồng bị đơn ông L, bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông L, bà N có cư trú tại xã Minh Đức, huyện Việt Yên nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đồng bị đơn ông L, bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Trong vụ án này nguyên đơn ông B, đồng bị đơn ông L, bà N không yêu cầu về việc xem xét thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[4] Về quan hệ pháp luật: Ông Đình Văn B yêu cầu ông Vũ Đình L, bà Phùng Thị N trả số tiền mua cầm còn nợ là 19.900.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/3/2022 xác định là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đình Văn B thì Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Tại sổ chót nợ tiền mua cầm ngày 23/9/2018 với tổng số tiền là 19.900.000 đồng có chữ ký của bà N. Nay ông B yêu cầu vợ chồng ông L, bà N phải trả ông số tiền gốc 19.900.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm từ ngày 24/9/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/3/2022. Ông L tại biên bản lấy lời khai cũng thừa nhận còn nợ tiền cầm ông B là 19.900.000 đồng, bà N đã được thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của

ông B, không phản đối nên tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ sổ chót nợ tiền mua cầm đề ngày 23/9/2018 đã xác định ông L, bà N còn nợ ông B số tiền 19.900.000 đồng. Các lần lấy cầm đều có chữ ký xác nhận của ông L, bà N. Sau ngày chót nợ số tiền trên ông B đã đòi ông L, bà N rất nhiều lần nhưng ông L, bà N không trả cho B thêm khoản tiền nào nữa. Việc mua cầm của ông L, bà N mục đích là để phát triển kinh tế gia đình, ông B xác định khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông L, bà N và ông L đã xác nhận là nợ chung của vợ chồng, số tiền nợ mua cầm của ông L, bà N là số tiền của cá nhân ông B, ông đăng ký tên kinh doanh cá nhân ông, không liên quan gì đến vợ con ông B nên cần buộc ông L, bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua cầm cho ông B. Do vậy, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ cần được chấp nhận, cần buộc ông L, bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông B số tiền gốc là 19.900.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430; Điều 434; Điều 440 của Bộ luật dân sự.

* Về lãi suất:

Ông B yêu cầu vợ chồng ông L, bà N phải trả theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/03/2022. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại sổ chót nợ tiền mua cầm ngày 23/9/2018 số tiền còn nợ là 19.900.000 đồng nhưng sau ngày đó ông B đã đòi nợ ông L, bà N rất nhiều lần nhưng ông L, bà N vẫn không trả tiền mua cầm còn nợ cho ông B vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông B yêu cầu vợ chồng ông L, bà N phải trả tiền lãi kể từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự, cụ thể tiền lãi là: 42 tháng x 19.900.000 đồng x 0,83% = 6.937.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà ông L, bà N phải trả cho ông B là: 6.937.000 đồng.

Như vậy, ông L, bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông B tổng số tiền là: 26.837.000 đồng trong đó tiền gốc là 19.900.000 đồng, tiền lãi là 6.937.000 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa do ông L, bà N vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của ông B được chấp nhận nên ông L, bà N phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: 26.837.000 đồng x 5 % = 1.342.000 đồng.

Hoàn trả ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 288; Điều 357; Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn B. Buộc ông Vũ Đình L, bà Phùng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn B tổng số tiền 26.837.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm ba B nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 19.900.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm nghìn đồng), tiền lãi là 6.937.000 đồng (Sáu triệu chín trăm ba B nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

Ông Vũ Đình L, bà Phùng Thị N phải chịu 1.342.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Đinh Văn B số tiền 700.000 đồng (B trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006144 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

[4] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

